TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 621/2020/HC-PT
Ngày: 12 - 10 - 2020
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Bà Mai Thị Tú Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 678/2019/TLPT-HC ngày 03tháng 2 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2019/HCST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3611/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Ngô Văn Q, sinh năm 1964, bà Đặng Thị K, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ : tổ 4, khu dân cư số 7, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Hà Thị Th, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ: đường N, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Công D - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện C. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Ngô Văn Q, bà Đặng Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 26/10/2017, ông Ngô Văn Q nộp hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu tại UBND huyện C.

Ngày 11/6/2018, UBND huyện C ban hành Văn bản số 1483/UBND-TNMT (Văn bản số 1483) về việc trả lời hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản trả lại đất cho nhà nước quản lý.

Ngày 20/9/2018, UBND huyện C ban hành Văn bản số 2550/UBND-TNMT (Văn bản số 2550) gửi hộ ông Ngô Văn Q yêu cầu tháo dỡ di dời tài sản, cây trồng và trả lại đất cho nhà nước quản lý.

Không đồng ý, ông Q khiếu nại Văn bản 2550. Ngày 28/01/2019, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 88/QĐ-UBND (Quyết định số 88) với nội dung: hủy bỏ nội dung yêu cầu gia đình ông Q tháo dỡ di dời tài sản, cây trồng và trả lại đất cho nhà nước quản lý; không công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Q đối với diện tích 1.710m^2 đất thuộc thửa đất số 1/1, tờ bản đồ số 43, tại khu vực đường N1, khu dân cư số 7 huyện C.

Ngày 20/02/2019, ông Q, bà K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Văn bản số 1483/UBND-TNMT ngày 11/6/2018 của UBND huyện C về việc trả lời hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản trả lại đất cho nhà nước quản lý;

- Buộc UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1/1 tờ bản đồ số 4, huyện C cho vợ chồng ông Ngô Văn Q, bà Đặng Thị K.

Ngày 20/02/2019, ông Q, bà K khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện C.

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp trình bày:

Nguồn gốc đất: diện tích 1.700m^2 do ông Q, bà K khai phá từ năm 2003, bao gồm thửa 1/1, tờ bản đồ số 43 là đất trống. Ông Q, bà K sử dụng đất ổn định, liên tục, quá trình sử dụng không kê khai đăng ký và không đóng thuế. Trên đất có trồng cây lâu năm và hoa màu có thể hiện trong biên bản kiểm tra hiện trạng.

Căn cứ pháp lý về việc ông Q, bà K sử dụng đất hợp pháp và đủ điều kiện cấp giấy: khoản 3 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

Người bị kiện Chủ tịch UBND và UBND huyện C trình bày:

Thực hiện Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện C về việc thành lập Tổ công tác và Bộ phận giúp việc thực hiện kiểm tra, rà soát, kịp thời xử lý các trường hợp lấn chiếm đất Nhà nước quản lý,

xây dựng không phép, sai phép, lấn chiếm lòng lề đường, ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện (gọi tắt là Tổ công tác 34).

Tổ công tác 34 lập Kế hoạch số 83/UBND-TCT ngày 12/4/2018 về việc kiểm tra, rà soát vi phạm về lĩnh vực đất đai và xây dựng trên địa bàn huyện. Qua công tác kiểm tra việc sử dụng đất trên địa bàn huyện và hồ sơ xin công nhận quyền sử dụng đất trên đường N1 của ông Ngô Văn Q được UBND huyện và cơ quan chuyên môn (Phòng Tài nguyên và Môi trường) xác nhận vi phạm pháp luật đất đai, cụ thể:

Căn cứ Bộ hồ sơ địa chính huyện C được thành lập năm 1998 và được cấp có thẩm quyền phê duyệt ngày 20/1/1999 thì vị trí thửa đất số số 1/1, tờ bản đồ số 43 diện tích 1.710m^2 đất (theo hệ tọa độ VN-2000*)* vào năm 1998 đã xác định vị trí này thuộc thửa đất số 1/81, tờ bản đồ số 15 (hệ tọa độ HN-72), diện tích 33.486 m^2 (theo hệ tọa độ HN-72*)*, chủ sử dụng đất là UBND huyện C, mục đích sử dụng đất: M (đất màu).

Việc sử dụng đất của gia đình ông Ngô Văn Q có nguồn gốc từ việc tự ý lấn chiếm sử dụng đất, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép sử dụng đất.

Trong quá trình sử dụng đất, cơ quan chức năng đã nhiều lần lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi lấn chiếm đất đai, dựng nhà tạm trên đất lấn chiếm tại các văn bản như: Biên bản số 85/BB-TNMT ngày 22/10/2009 về vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Biên bản số 02/BB-TNMT ngày 12/01/2010 về việc chặt hạ cây rừng, lấn chiếm đất Nhà nước; Công văn số 71/UBND-TNMT ngày 26/01/2010 của UBND huyện C trả lời đơn của ông Ngô Văn Q; Biên bản vi phạm hành chính số 668/BB-VPHC ngày 05/11/2018 về vi phạm hành chính lĩnh vực đất đai; Quyết định số 1237A/QĐ- KPHQ ngày 12/11/2018 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Do đó, ông Ngô Văn Q, bà Đặng Thị K yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 1/1 tờ bản đồ số 4, huyện C không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà K.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2019/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ Điều 101 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn Q và bà Đặng Thị K yêu cầu hủy Văn bản số 1483/UBND-TNMT ngày 11/6/2018 của UBND huyện C và Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện C; buộc UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1/1, tờ bản đồ số 4, huyện C cho vợ chồng ông Ngô Văn Q và bà Đặng Thị K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và

quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 05/9/2019, người khởi kiện ông Ngô Văn Q, bà Đặng Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn Q, bà Đặng Thị K trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo ông Ngô Văn Q, bà Đặng Thị K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn Q, bà Đặng Thị K là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo ông Ngô Văn Q, bà Đặng Thị K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Ngô Văn Q, bà Đặng Thị K làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện C, UBND huyện C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Ngô Văn Q, bà Đặng Thị K khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 1483/UBND-TNMT ngày 11/6/2018 của UBND huyện C về việc trả lời hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Văn bản số 1483/UBND-TNMT) và Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Văn Q, bà Đặng Thị K (Quyết định số 88/QĐ-UBND) là đúng đối tượng và còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2.2] Xét tính hợp pháp, có căn cứ của Văn bản số 1483/UBND-TNMT và

Quyết định số 88/QĐ-UBND:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:

Ông Ngô Văn Q và bà Đặng Thị K có đơn yêu cầu UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.710m^2, thửa số 1/1, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại khu vực đường N1 – khu dân cư số 7, huyện C. Ngày 02/3/2018, UBND huyện C có văn bản trả lời không đồng ý với yêu cầu của ông Q, bà K. Ông Q, bà K khiếu nại nên ngày 28/01/2019, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 88/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Q, bà K. Văn bản số 1483/UBND-TNMT và Quyết định số 88/QĐ-UBND được ban hành đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai 2013 và Luật Khiếu nại 2011.

Về nội dung của quyết định hành chính:

Diện tích đất 1.710m^2, thửa số 1/1, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại khu vực đường N1 – khu dân cư số 7, huyện C có nguồn gốc do UBND huyện C quản lý theo hồ sơ địa chính lập năm 1998, được phê duyệt ngày 20/01/1999.

Ông Q, bà K cho rằng phần diện tích đất trên ông bà tự khai hoang và sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004, không có tranh chấp nên đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, tại đơn xin sử dụng đất ngày 19/7/2008 (BL59), ông Ngô Văn Q xác định từ tháng 01/2006 ông có khai thác một phần đất cập bên nhà ông Lê Minh T (phần đất hiện ông đang khiếu nại yêu cầu được cấp giấy chứng nhận) để trồng hoa màu, ông xin các cấp ban ngành xem xét cho ông được sử dụng đất lâu dài. Như vậy, thời gian ông Q, bà K sử dụng đất là sau ngày 01/7/2004; thời điểm này diện tích đất 1.710m^2, thửa số 1/1 đã được UBND huyện C quản lý trên hồ sơ địa chính.

Quá trình ông Q, bà K sử dụng đất, chính quyền địa phương đã nhiều lần lập biên bản hành chính về hành vi lấn chiếm đất đai, buộc ông Q, bà K tháo dỡ nhà tạm trên đất lấn chiếm nhưng ông Q, bà K không thực hiện; thể hiện tại biên bản về việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai lập ngày 22/10/2009 và ngày 05/11/2018.

Do đó, việc ông Q, bà K sử dụng đất không thuộc trường hợp sử dụng ngay tình, ổn định, liên tục, không có tranh chấp để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai 2013.

Ông Ngô Văn Q và bà Đặng Thị K yêu cầu UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà đối với diện tích đất 1.710m^2, thửa số 1/1, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại khu vực đường N1 – khu dân cư số 7, huyện C là không có cơ sở chấp nhận.

Mặt khác, do hoàn cảnh kinh tế của ông Q, bà K khó khăn nên ngày 20/4/2011, UBND huyện C ban hành Quyết định số 313/QĐ-UBND giao cho hộ ông Q diện tích đất ở 100m^2 tại đường P2, huyện C và xây dựng nhà tình nghĩa trên đất cho hộ ông Q là đã có xem xét đảm bảo quyền lợi cho ông Q, bà K.

Ông Ngô Văn Q và bà Đặng Thị K khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 1483/UBND-TNMT và Quyết định số 88/QĐ-UBND không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông Ngô Văn Q và bà Đặng Thị K không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Ngô Văn Q và bà Đặng Thị K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính; Điều 101 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Ngô Văn Q và bà Đặng Thị K.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2019/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn Q và bà Đặng Thị K yêu cầu hủy Văn bản số 1483/UBND-TNMT ngày 11/6/2018 của UBND huyện C và Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện C; buộc UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1/1, tờ bản đồ số 4, huyện C cho vợ chồng ông Ngô Văn Q và bà Đặng Thị K.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Ngô Văn Q và bà Đặng Thị K mỗi người phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000457 ngày 06/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Ngô Văn Q và bà Đặng Thị K đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phan Văn Yên **Mai Thị Tú Oanh** **Hoàng Thanh Dũng**